TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2022
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ninh.

Bà Trần Ánh Nhạn.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Lê Đình Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:* Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 343/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Trúc V, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã PT, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Hoàng T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã PT, huyện G, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 10 năm 2021 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Hồ Thị Trúc V trình bày: Chị cùng chồng chị là anh Đỗ Hoàng T chung sống vào năm 2007, trước đó có tìm hiểu khoảng vài tháng, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 18-3-2010.

Ngày cưới gia đình chồng không có cho chị nữ trang do bên gia đình chồng khó khăn; cha mẹ chị cho chị 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K, số nữ trang hiện

không còn do vợ chồng đã bán khi sinh con. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng (ở ấp P, xã PT), được khoảng 04 năm vợ chồng ra riêng bên cạnh bên nhà cha mẹ chồng, trên đất cha mẹ chồng cho ở nhờ, cho đến khi thân vào tháng 10-2021 đến nay.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Đỗ Thị Mai T1, sinh ngày 04-7-2008 và Đỗ Hoàng T2, sinh ngày 19-5-2016. Hiện cháu T1 đang sống với chị còn cháu T2 sống với chồng chị.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị làm tài xế và mua bán trâu bò, ra ngoài chồng chị quen hết người phụ nữ này đến người phụ nữ khác. chồng chị không chung thủy nên chị nhiều lần đi bắt ghen. Chồng chị thường đi chơi suốt đêm không về. Mỗi khi về nhà thì lén lút chị nhắn tin và gọi điện cho người phụ nữ khác. Chị có khuyên chồng nhưng chồng chị không nghe. Dần dần chị bất mãn và không quan tâm tới nữa, chồng đi đâu gì chị cũng không có ý kiến. Cho đến nay thì tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chồng chị.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, chị đồng ý giao cháu T2 cho chồng chị nuôi, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôn con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị V về vấn đề hôn nhân (vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn); về con chung và về tài sản chung, nợ chung.

Đối với mâu thuẫn của vợ chồng theo anh, vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình. Trước đây vợ anh đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải nên vợ anh rút đơn. Từ tháng 10-2021 đến nay vợ anh bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân cho đến nay. Vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T2. Anh đồng ý giao cháu T1 cho vợ anh nuôi. Vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị V và anh T chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh vào ngày 18-3-2010. Nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị V yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tình cảm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không giải quyết được mà để mặc mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Khi chị V yêu cầu ly hôn anh T đồng ý. Qua lời trình bày của anh chị cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao cháu Đỗ Thị Mai T1, sinh ngày 04-7-2008 cho chị V nuôi dưỡng và cháu Đỗ Hoàng T2, sinh ngày 19-5-2016 cho anh T nuôi dưỡng. Sự thỏa của anh chị phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 nên Hồi đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận anh chị không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Như vậy, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Trúc V và anh Đỗ Hoàng T.

2. Về con chung: Giao chị Hồ Thị Trúc V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Thị Mai T1, sinh ngày 04-7-2008. Giao anh Đỗ Hoàng T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Hoàng T2, sinh ngày 19-5-2016. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị V và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và về nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023924 ngày 27-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Vân Quỳnh